

Bản án số: 259/2024/HS-ST
Ngày: 30-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Duy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga – Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 316/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 298/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Huỳnh Phước B, sinh năm 1967 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: F H, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: thợ hồ; con ông Huỳnh Phước H và bà Huỳnh Thị T có vợ và 02 người con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1998; Tiền án: không; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/5/1984, bị UBND Thành phố H Quyết định bắt buộc lao động tập trung về hành vi "Lừa đảo quần chúng" (đã chấp hành xong Quyết định vào ngày 24/02/1986)

- Ngày 06/3/1985, bị Tòa án Nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội "Lừa đảo để chiếm đoạt tài sản riêng của công dân" (Bản án số 56/HS-ST). Chấp hành xong án phạt tù ngày 17/5/1986, đã nộp án phí.

- Ngày 24/02/1987, bị Tòa án Nhân dân Quận 10 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Bản án số 22/HS-ST). Chấp hành xong án phạt tù ngày 12/02/1990, đã nộp án phí.

- Ngày 18/08/2010, bị Tòa án Nhân dân Quận 8 xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (Bản án số 251/2010/HS-ST). Đến ngày 25/01/2011, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên y án sơ thẩm (Bản án số 78/2011/HS-PT). Chấp hành xong án phạt tù ngày 08/10/2012, đã nộp án phí.

Bị cáo đầu thú, tạm giam từ 12/6/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông **Trần Thanh H1**, sinh năm: 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: H X, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Chung Tấn S– Chủ hộ kinh doanh cầm đồ Bảo Phong**; Địa chỉ: E ấp E, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Tạ Văn M năm 1994; Địa chỉ: F ấp G, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt)

- Ông **Tạ Xuân V**, sinh năm: 1994; sinh năm 1994; Địa chỉ: F ấp G, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2022, Huỳnh Phước B1 của ông Trần T1 H1số tiền 40.000.000 đồng nhưng không viết giấy vay tiền và không tính lãi suất. Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 08 giờ ngày 27/05/2024, B hẹn ông H1ra công viên thuộc Khu C, ấp A, xã P, huyện B chiếm đoạt xe máy hiệu Honda Airblade, biển số: 54K4-2120 của ông H2 đây, B2 dối rằng vợ B3 ý trả tiền cho H1nên B4 mượn xe ông H1để về nhà chở vợ ra trả tiền, ông H1tin là Bnói thật nên đồng ý giao xe 54K4-2120 cho B. Sau khi nhận xe Huỳnh Phước B5 khiển xe đến nhà nghỉ tại xã V, huyện B(không nhớ rõ địa chỉ), B6 cướp xe và bên trong có: 01 thẻ căn cước công dân mang tên Trần Thanh H101 giấy đăng ký xe máy biển số: 59S3-477.45 và 01 giấy đăng ký xe máy biển số: 54K4-2120 và 01 bóp da màu đen bên trong có 6.500.000 đồng nên B7 đoạt số tiền trên. Bằng dùng 6.000.000 đồng để nạp tiền chơi điện tử và dùng 500.000 để tiêu xài cá nhân.

Ngày 28/05/2024, B5 khiển xe máy biển số 54K4-2120 đến gặp Tạ Xuân Vnhân V1 tiệm cầm đồ "Bảo Phong 68" (Hộ kinh doanh cầm đồ B) địa chỉ F Ấp G, xã V, huyện B, Bnói xe do B8 nhưng chưa sang tên và yêu cầu cầm xe với giá 6.000.000 đồng, V2 ý. Bằng sử dụng 6.000.000 đồng để chơi điện tử và tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 30/5/2024, Btiếp tục đến gặp anh V3 01 thẻ căn cước công dân tên Trần T1 H1và 01 Giấy đăng ký xe biển số 59S3 - 477.45 với số tiền 1.000.000 đồng, B12 tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 12/6/2024, ông Trần T1 H1đến Công an xã Ptrình báo sự việc. Đến 09 giờ ngày 12/6/2024, B9 Công an xã Pđầu thú và thừa nhận toàn bộ hành vi

lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình. Vụ án được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Bản Kết luận định giá tài sản số 1947/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Giá trị của chiếc xe Honda Airblade, biển số 54K4-2120 là 6.900.000 đồng

Vật chứng vụ án:

- 01 xe máy hiệu Honda Airblade, biển số: 54K4-2120, số khung: Y-080761, số máy: E-0082499.
- 01 giấy đăng ký xe biển số 54K4-2120 mang tên Nguyễn Thị Tuyết P
- 01 thẻ CCCD mang tên Trần Thanh H1
- 01 giấy đăng ký xe biển số 59S3-477.45 mang tên Trần Thanh H1
- 01 bản photo CCCD mang tên Huỳnh Phước B
- 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 0067181, cấp ngày 15/10/2009.
- 01 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cấp bởi Chi cục thuế Q ngày 17/10/2009.
- 01 tờ khai lệ phí trước bạ cấp bởi Chi cục thuế Q ngày 17/10/2009
- 01 Hợp đồng ủy quyền, công chứng số 00003764, ký ngày 05/2/2018 tại văn phòng C.
- 01 Hợp đồng ủy quyền, công chứng số 00027305 ký ngày 28/9/2017 tại văn phòng C

Tại Cơ quan điều tra, Huỳnh Phước B10 nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt tài sản của ông Trần T1 H1 như nêu trên, lời khai của B11 hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 300/CT-VKS ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Huỳnh Phước B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Huỳnh Phước B từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Về dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 6.500.0000 đồng.
- Bị cáo Huỳnh Phước B khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Phước B đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như nội dung cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng vụ án, những chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa. Vào ngày 27/5/2024 Huỳnh Phước B12 dùng thủ đoạn gian dối (nói dối) với ông Trần T1 H1 mượn xe để về nhà chở vợ đến thương lượng việc vay mượn, sau khi được ông H1 tin tưởng giao xe máy hiệu Honda Airblade, biển số: 54K4-2120 thì Bchiếm đoạt. Kết quả định giá, giá trị của xe máy mà B7 đoạt là 6.900.000 đồng, ngoài ra bên trong xe của ông H1 có để 6.500.000 đồng bị cáo cũng chiếm đoạt tiêu xài hết. Như vậy, tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông H1 là 13.400.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân xấu, trước đó đã nhiều lần bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt về hành vi phạm tội chiếm đoạt tài sản, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã xóa án tích nhưng bị cáo không sửa chữa mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, đây là tình tiết mà Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Hộ kinh doanh cầm đồ B13 P1 đã thực hiện việc cầm cố tài sản không đúng quy định pháp luật, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 498/QĐ-XPHC ngày 18/10/2024 xử phạt 7.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Ông Tạ Xuân V- nhân viên tiệm C1do ông Chung Tấn S1 chủ, ông S2 quyền cho ông Tạ Văn M1 hành quản lý tiệm cầm đồ. Sau đó ông M2 giao quyền điều hành, quản lý cửa hàng cho VVđã thực hiện cầm cố xe máy biển số 54K4-2120 và các giấy tờ khác từ Huỳnh Phước B14 không phải là chính chủ tài sản, ông V không biết là tài sản do người khác phạm tội mà có nên không đủ căn cứ xử lý Vvề hành vi “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[7] Về vật chứng vụ án:

[8] - 01 xe máy hiệu Honda Airblade, biển số: 54K4-2120, số khung: Y-080761, số máy: E-0082499; 01 giấy đăng ký xe biển số 54K4-2120 mang tên Nguyễn Thị T2 P01 thẻ CCCD mang tên Trần Thanh H101 giấy đăng ký xe biển số 59S3-477.45 mang tên Trần Thanh H101 hóa đơn giá trị gia tăng số 0067181, cấp ngày 15/10/2009; 01 giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước cấp bởi Chi cục thuế Qngày 17/10/2009; 01 tờ khai lệ phí trước bạ cấp bởi Chi cục thuế Qngày 17/10/2009; 01 Hợp đồng ủy quyền, công chứng số 00003764, ký ngày 05/2/2018 tại văn phòng C; 01 Hợp đồng ủy quyền, công chứng số 00027305 ký ngày 28/9/2017 tại văn phòng C. Đây là tài sản của bị hại, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông H1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] - 01 bản photo CCCD mang tên Huỳnh Phước B15 theo vụ án nên bảo lưu hồ sơ vụ án.

[10] Về trách nhiệm dân sự: bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 6.500.000 đồng. Xét yêu cầu của bị hại có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại nên cần buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 6.500.000 đồng.

[11] Ông Tạ Xuân V4 yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo và đề nghị của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Phước B **02 (hai) năm tù** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 12/6/2024.

Buộc bị cáo bồi thường cho ông Trần T1 H1 số tiền 6.500.000 (sáu triệu năm trăm ngàn) đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thực hiện tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bảo lưu hồ sơ vụ án 01 bản photo căn cước công dân mang tên Huỳnh Phước B

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 (ba trăm hai mươi lăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- | | |
|--------------------------------|-----|
| - TAND TPHCM; | (1) |
| - VKSND TPHCM; | (1) |
| - VKSND huyện Bình Chánh; | (1) |
| - CA huyện Bình Chánh; | (1) |
| - Chi cục THADS H. Bình Chánh; | (1) |
| - PV06 - Công an TPHCM; | (1) |
| - Sở tư pháp TPHCM; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Đương sự; | (3) |
| - Lưu. | (4) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Duy Linh

